

TÀI LIỆU ÔN TẬP NĂM 2023
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VỊ TRÍ QUẢN HỌC VIÊN
TẠI CƠ SỞ CÀI NGHIỆN MA TUÝ TỈNH TRÀ VINH

PHẦN I. KIẾN THỨC CHUNG

I. Luật Viên chức năm 2010

Câu 1: Viên chức

Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. *(Căn cứ điều 2)*

Câu 2: Viên chức quản lý

Viên chức quản lý là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phải là công chức và được hưởng phụ cấp chức vụ quản lý. *(căn cứ khoản 1 điều 3)*

Câu 3: Đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp là các chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định. *(căn cứ khoản 1 điều 3)*

Câu 4: Quy tắc ứng xử

Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của viên chức trong thi hành nhiệm vụ và trong quan hệ xã hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phù hợp với đặc thù công việc trong từng lĩnh vực hoạt động và được công khai để nhân dân giám sát việc chấp hành. *(căn cứ khoản 3 điều 3)*

Câu 5: Tuyển dụng

Tuyển dụng là việc lựa chọn người có phẩm chất, trình độ và năng lực vào làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập. **(căn cứ khoản 4 điều 3)**

Câu 6: Hợp đồng lao động

Hợp đồng làm việc là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa viên chức hoặc người được tuyển dụng làm viên chức với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về vị trí việc làm, tiền lương, chế độ đãi ngộ, điều kiện làm việc quyền và nghĩa vụ của mỗi bên **(căn cứ khoản 5 điều 3)**

Câu 7: Hoạt động nghề nghiệp của viên chức

Hoạt động nghề nghiệp của viên chức là việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan **(căn cứ điều 3)**.

Câu 8: Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức
(Căn cứ Điều 5).

1. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

2. Tận tụy phục vụ nhân dân.

3. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và của nhân dân.

Câu 9: Vị trí việc làm

Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập. (Căn cứ khoản 1, điều 7)

Điều 10. Đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước. (căn cứ khoản 1 điều 9)

Câu 11: Cơ cấu tổ chức quản lý hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

(Căn cứ khoản 2, 3, 4 điều 9)

Đơn vị sự nghiệp công lập gồm:

- Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ);

- Đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ).

- Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều này đối với từng lĩnh vực sự nghiệp căn cứ vào khả năng tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự và phạm vi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Căn cứ điều kiện cụ thể, yêu cầu quản lý đối với mỗi loại hình đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực, Chính phủ quy định việc thành lập, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu 12: Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp

(Căn cứ Điều 11)

- Được pháp luật bảo vệ trong hoạt động nghề nghiệp.
- Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
- Được bảo đảm trang bị, thiết bị và các điều kiện làm việc.
- Được cung cấp thông tin liên quan đến công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
- Được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
- Được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật.
- Được hưởng các quyền khác về hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Câu 13: Quyền của viên chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương

(căn cứ Điều 12)

- Được trả lương tương xứng với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý và kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi trong trường hợp làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm việc trong ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm, lĩnh vực sự nghiệp đặc thù.
- Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và chế độ khác theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Được hưởng tiền thưởng, được xét nâng lương theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu 14: Quyền của viên chức về nghỉ ngơi

(Căn cứ Điều 13)

- Được nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, nghỉ việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Do yêu cầu công việc, viên chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hàng năm thì được thanh toán một khoản tiền cho những ngày không nghỉ.
- Viên chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa hoặc trường hợp đặc biệt khác, nếu có yêu cầu, được gộp số ngày nghỉ phép của 02 năm để nghỉ một lần; nếu gộp số ngày nghỉ phép của 03 năm để nghỉ một lần thì phải được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
- Đối với lĩnh vực sự nghiệp đặc thù, viên chức được nghỉ việc và hưởng lương theo quy định của pháp luật.

- Được nghỉ không hưởng lương trong trường hợp có lý do chính đáng và được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu 15: Quyền của viên chức về hoạt động kinh doanh và làm việc ngoài thời gian

(Căn cứ điều 14)

- Được hoạt động nghề nghiệp ngoài thời gian làm việc quy định trong hợp đồng làm việc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Được ký hợp đồng vụ, việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị khác mà pháp luật không cấm nhưng phải hoàn thành nhiệm vụ được giao và có sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

- Được góp vốn nhưng không tham gia quản lý, điều hành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Câu 16: Các quyền khác của viên chức

(Căn cứ điều 15)

Viên chức được khen thưởng, tôn vinh; được tham gia hoạt động kinh tế - xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở; được tạo điều kiện học tập, hoạt động nghề nghiệp ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Trường hợp bị thương hoặc chết do thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao thì được xét hưởng chính sách như thương binh hoặc được xét để công nhận là liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

Câu 17: Nghĩa vụ chung của viên chức

(Căn cứ điều 16)

- Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật của Nhà nước.

- Có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp; thực hiện đúng các quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Bảo vệ bí mật nhà nước; giữ gìn và bảo vệ của công, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản được giao.

- Tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức.

Câu 18: Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp

(Căn cứ điều 17)

- Thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao bảo đảm yêu cầu về thời

gian và chất lượng.

- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.
- Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền.
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Khi phục vụ nhân dân, viên chức phải tuân thủ các quy định sau:

- + Có thái độ lịch sự, tôn trọng nhân dân;
- + Có tinh thần hợp tác, tác phong khiêm tốn;
- + Không hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân;
- + Chấp hành các quy định về đạo đức nghề nghiệp.
- Chịu trách nhiệm về việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 19: Những việc viên chức không được làm

(Căn cứ điều 19)

- Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công.

- Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.

- Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

- Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội.

- Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

- Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

II. LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ LUẬT VIÊN CHỨC

Câu 20: Loại hợp đồng làm việc

(căn cứ khoản 2, khoản 3 điều 2).

Gồm 02 loại như sau:

- Hợp đồng làm việc xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời

gian từ đủ 12 tháng đến 60 tháng. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn áp dụng đối với người được tuyển dụng làm viên chức kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020, trừ trường hợp sau:

- + Viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2020;
- + Cán bộ, công chức chuyển sang làm viên chức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 của Luật viên chức;
- + Người được tuyển dụng làm viên chức làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

- + Viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2020;
- + Cán bộ, công chức chuyển sang làm viên chức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 của Luật viên chức;
- + Người được tuyển dụng làm viên chức làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đối với hợp đồng làm việc xác định thời hạn, trước khi hết hạn hợp đồng làm việc 60 ngày, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ký kết tiếp hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức.

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập còn nhu cầu, viên chức đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải ký kết tiếp hợp đồng làm việc với viên chức.

- Trường hợp không ký kết tiếp hợp đồng làm việc với viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải nêu rõ lý do bằng văn bản.”

Câu 21: Mức xếp loại chất lượng viên chức

Hàng năm, căn cứ vào nội dung đánh giá, viên chức được xếp 04 loại chất lượng như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Hoàn thành nhiệm vụ;
- Không hoàn thành nhiệm vụ.

III. NGHỊ ĐỊNH 115/2020/NĐ-CP NGÀY 25/9/2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

Câu 22: Chế độ tập sự

Chế độ tập sự là các quy định liên quan đến quá trình người được tuyển dụng vào viên chức làm quen với môi trường công tác và tập làm những công

việc của vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp sẽ được bổ nhiệm quy định trong hợp đồng làm việc. *(Căn cứ khoản 1 điều 2 của Nghị định)*

Câu 23: Thay đổi chức danh nghề nghiệp

Thay đổi chức danh nghề nghiệp là việc viên chức được bổ nhiệm vào một chức danh nghề nghiệp khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm đang đảm nhiệm. *(Căn cứ khoản 2 điều 2 của Nghị định).*

Câu 24: Hạng chức danh nghề nghiệp

Hạng chức danh nghề nghiệp là cấp độ thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp. *(Căn cứ khoản 3 điều 2 của Nghị định).*

Câu 25: Thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thăng hạng chức danh nghề nghiệp là việc viên chức được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn trong cùng một lĩnh vực nghề nghiệp. *(Căn cứ khoản 4 điều 2 của Nghị định).*

**Câu 26: Phân loại viên chức theo chức trách, nhiệm vụ, viên chức
(căn cứ khoản 1 điều 3 của Nghị định)**

- Viên chức quản lý là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và được hưởng phụ cấp chức vụ quản lý;

- Viên chức không giữ chức vụ quản lý là người chỉ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu 27: Phân loại viên chức theo trình độ đào tạo, viên chức

(căn cứ khoản 2 điều 3 của Nghị định)

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo tiến sĩ;

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo thạc sĩ;

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo đại học;

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo cao đẳng;

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo trung cấp.

Câu 28: Thời gian tập sự của viên chức

(căn cứ khoản 2 điều 21 của Nghị định)

- Thời gian tập sự được quy định như sau:

+ 12 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo đại học. Riêng đối với chức danh nghề nghiệp bác sĩ là 09 tháng;

+ 09 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo cao đẳng;

+ 06 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo trung cấp.

+ Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự. Trường hợp người tập sự nghỉ ốm đau hoặc có lý do chính đáng dưới 14 ngày mà được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nơi người được tuyển dụng vào viên chức đang thực hiện chế độ tập sự đồng ý thì thời gian này được tính vào thời gian tập sự.

Câu 29: Nội dung tập sự của viên chức

(căn cứ khoản 3 điều 21 của Nghị định)

- Nắm vững quy định của pháp luật viên chức về quyền, nghĩa vụ của viên chức, những việc viên chức không được làm; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập nơi công tác; nội quy, quy chế làm việc của đơn vị; chức trách, nhiệm vụ và yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng;

- Trau dồi kiến thức và rèn luyện năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng;

- Tập giải quyết, thực hiện các công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

Câu 30: Chế độ, chính sách đối với người tập sự

(Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 3 điều 23)

- Trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng 85% mức lương bậc 1 của chức danh nghề nghiệp tuyển dụng. Trường hợp người tập sự có trình độ thạc sĩ phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng thì người tập sự được hưởng 85% mức lương bậc 2 chức danh nghề nghiệp tuyển dụng; trường hợp người tập sự có trình độ tiến sĩ phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng thì người tập sự được hưởng 85% mức lương bậc 3 của chức danh nghề nghiệp tuyển dụng. Các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Người tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

+ Làm việc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Làm việc trong các ngành, nghề độc hại, nguy hiểm;

+ Hoàn thành nghĩa vụ quân sự; nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

- Thời gian tập sự không được tính vào thời gian xét nâng bậc lương.

Câu 31: Chức danh nghề nghiệp của viên chức

(căn cứ khoản 2 điều 28 của Nghị định)

Căn cứ vào mức độ phức tạp công việc của chức danh nghề nghiệp, các chức danh nghề nghiệp viên chức trong cùng một lĩnh vực sự nghiệp được xếp hạng từ cao xuống thấp như sau:

- + Chức danh nghề nghiệp hạng I;
- + Chức danh nghề nghiệp hạng II;
- + Chức danh nghề nghiệp hạng III;
- + Chức danh nghề nghiệp hạng IV;
- + Chức danh nghề nghiệp hạng V.

IV. LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

Câu 32: Tham nhũng

Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. *(Căn cứ khoản 1 điều 3)*

Câu 33: Người có chức vụ, quyền hạn

(Căn cứ khoản 2 điều 3)

Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức;

- Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

Câu 34: Tài sản tham nhũng

Tài sản tham nhũng là tài sản có được từ tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng. (Căn cứ khoản 3 điều 3)

Câu 35: Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là việc công bố, cung cấp thông tin, giải trình về tổ chức bộ máy, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị. (Căn cứ khoản 4 điều 3)

Câu 36: Trách nhiệm giải trình

Trách nhiệm giải trình là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền làm rõ thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về quyết định, hành vi của mình trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao. (Căn cứ khoản 5 điều 3)

Câu 37: Nhũng nhiễu

Nhung nhiễu là hành vi của quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ. (Căn cứ khoản 6 điều 3)

Câu 38: Vụ lợi

Vụ lợi là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng. (Căn cứ khoản 7 điều 3)

Câu 39: Xung đột lợi ích

Xung đột lợi ích là tình huống mà trong đó lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn hoặc người thân thích của họ tác động hoặc sẽ tác động không đúng đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ. (Căn cứ khoản 8 điều 3).

Câu 40: Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước

(Căn cứ khoản 9 điều 3).

Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức, đơn vị khác do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp phát toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động, do Nhà nước trực tiếp quản lý hoặc tham gia quản lý nhằm phục vụ nhu cầu phát triển chung, thiết yếu của Nhà nước và xã hội.

Câu 41: Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

(Căn cứ khoản 10 điều 3)

Là doanh nghiệp, tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức, đơn vị khác do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp phát toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động, do Nhà nước trực tiếp quản lý hoặc tham gia quản lý nhằm phục vụ nhu cầu phát triển chung, thiết yếu của Nhà nước và xã hội.

Câu 42: Các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước

(Căn cứ khoản 1 điều 2)

- Các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện bao gồm:

- + Tham ô tài sản;
- + Nhận hối lộ;
- + Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- + Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi;
- + Giả mạo trong công tác vì vụ lợi;
- + Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi;
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi;
- + Những nhiễu vì vụ lợi;
- + Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Câu 43: Nguyên tắc công khai, minh bạch

(Căn cứ điều 9)

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật.

- Việc công khai, minh bạch phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

Câu 44: Nội dung công khai, minh bạch

(Căn cứ điều 10)

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây:

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;

+ Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

+ Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

Câu 45: Hình thức công khai

(Căn cứ Điều 11)

- Hình thức công khai bao gồm:

+ Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;

+ Phát hành ấn phẩm;

+ Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

+ Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử;

+ Tổ chức họp báo;

+ Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

- Trường hợp luật khác không quy định về hình thức công khai thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện một hoặc một số hình thức công khai quy định. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức công khai quy định gồm Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

Câu 46: Quy định về tặng quà và nhận quà tặng

(Căn cứ điều 22)

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong trường hợp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình.

Câu 47: Quy định về Kiểm soát xung đột lợi ích

(căn cứ điều 23)

- Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nếu biết hoặc buộc phải biết nhiệm vụ, công vụ được giao có xung đột lợi ích thì phải báo cáo người có thẩm quyền để xem xét, xử lý.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo cho người trực tiếp quản lý, sử dụng người đó để xem xét, xử lý.

- Người trực tiếp quản lý, sử dụng người có chức vụ, quyền hạn khi phát hiện có xung đột lợi ích và nếu thấy việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ không bảo đảm tính đúng đắn, khách quan, trung thực thì phải xem xét, áp dụng một trong các biện pháp sau đây:

+ Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích;

+ Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích;

+ Tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.

Câu 48: Những người nào có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

(căn cứ điều 34)

- Cán bộ, công chức.

- Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.

- Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 49: Những loại Tài sản, thu nhập kê khai

(Căn cứ điều 35)

- Tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;

+ Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;

+ Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

+ Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

- Chính phủ quy định mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập.

Câu 50: Bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng

(căn cứ điều 67)

1. Việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

2. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.

PHẦN II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

VỊ TRÍ QUẢN LÝ HỌC VIÊN

I. Luật phòng chống ma túy năm 2021

Câu 1: Chất ma túy

Chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành. (Khoản 1 điều 2)

Câu 2: Chất gây nghiện

Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng. (khoản 2 điều 2)

Câu 3: Chất hướng thần

Chất hướng thần là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng. (khoản 3 điều 2)

Câu 4: Tiền chất

Tiền chất là hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục tiền chất do Chính phủ ban hành. (khoản 4 điều 2)

Câu 5: Cây có chứa chất ma túy

Cây có chứa chất ma túy là cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định. (khoản 6 điều 2)

Câu 6: Phòng, chống ma túy

Phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy. (khoản 7 điều 2)

Câu 7: Tệ nạn ma túy

Tệ nạn ma túy là việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. (khoản 8 điều 2)

Câu 8: Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy

Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là việc cho phép, theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy và phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích khác. (khoản 9 điều 2)

Câu 9: Người sử dụng trái phép chất ma túy

Người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm

quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính. (khoản 10 điều 2)

Câu 10: Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

Là việc thực hiện các kỹ thuật chuyên môn nhằm xác định chất ma túy trong cơ thể thông qua mẫu nước tiểu, mẫu máu hoặc các mẫu vật khác của cơ thể người. (khoản 11 điều 2)

Câu 11: Người nghiện ma túy

Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này. (khoản 12 điều 2)

Câu 12: Cai nghiện ma túy

Cai nghiện ma túy là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về y tế, tâm lý, xã hội, giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép các chất này. (khoản 13 điều 2)

Câu 14: Cơ sở cai nghiện ma túy

Cơ sở cai nghiện ma túy là cơ sở được thành lập để thực hiện đầy đủ quy trình cai nghiện theo quy định của Luật này, bao gồm cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện. (khoản 14 điều 2)

Câu 15: Nguồn tài chính cho phòng, chống ma túy (Điều 4)

- Ngân sách nhà nước.
- Nguồn tài trợ, viện trợ, đầu tư, tặng cho của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.
- Chi trả của gia đình, người nghiện ma túy.
- Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Câu 16: Các hành vi bị nghiêm cấm

(Điều 5)

- Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy.
- Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.
- Chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

- Giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, bảo quản chất ma túy, tiền chất trái quy định của pháp luật; cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tới quy định của pháp luật.

- Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Trả thù hoặc cản trở người thực thi nhiệm vụ phòng, chống ma túy, người tham gia phòng, chống ma túy.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy.

- Kỳ thị người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.

- Các hành vi bị nghiêm cấm khác do luật định liên quan đến ma túy.

Câu 17: Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy
(*khoản 1 điều 11*)

Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy bao gồm:

- Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân;

- Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam và Hải quan.

Câu 18: Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

(*khoản 1 Điều 22*)

Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

- Người bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người mà cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý;

- Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

Câu 19 : Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính. *(khoản 1 Điều 23)*

Câu 20: Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định quản lý. *(khoản 2 Điều 23)*

Câu 21: Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

(khoản 3 Điều 23)

Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm:

- + Tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy;
- + Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể;
- + Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Câu 22: Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

(khoản 5 Điều 23)

Trong thời hạn quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây:

- Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy;
- Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;
- Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng;
- Người sử dụng trái phép chất ma túy phải thi hành án phạt tù;
- Người sử dụng trái phép chất ma túy trong danh sách quản lý chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích.

Câu 23: Trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy

(Điều 24)

- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình cho công an cấp xã nơi cư trú.

- Chấp hành việc quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 24: Trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

(Điều 25)

- Gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm sau đây:

+ Quản lý, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của người sử dụng trái phép chất ma túy cho công an cấp xã nơi người đó cư trú;

+ Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

+ Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

- Cơ quan, tổ chức nơi người sử dụng trái phép chất ma túy làm việc, cộng đồng nơi người sử dụng trái phép chất ma túy sinh sống có trách nhiệm sau đây:

+ Động viên, giúp đỡ, giáo dục người sử dụng, trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Phối hợp với gia đình, cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

Câu 25: Biện pháp cai nghiện ma túy

(Điều 28)

- Biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:

+ Cai nghiện ma túy tự nguyện;

+ Cai nghiện ma túy bắt buộc.

- Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy; biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Câu 26. Quy trình cai nghiện ma túy

(Điều 29)

- Quy trình cai nghiện ma túy bao gồm 05 giai đoạn sau đây:

+ Tiếp nhận, phân loại;

+ Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác;

- + Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách;
 - + Lao động trị liệu, học nghề;
 - + Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng.
- Việc cai nghiện ma túy bắt buộc phải bảo đảm đầy đủ 05 giai đoạn; việc cai nghiện ma túy tự nguyện phải bảo đảm hoàn thành đủ 03 giai đoạn.

Câu 27 : Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

(khoản 1 Điều 30)

Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là việc người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 28: Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

(khoản 2 Điều 30)

Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy trình cai nghiện ma túy thì được hỗ trợ kinh phí.

Câu 29: Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

(khoản 1 Điều 31)

Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn thì được hỗ trợ kinh phí.

Câu 30: Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

(Điều 32)

Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;
- Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện;

- Trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà tái nghiện.

Câu 31: Đưa người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

(khoản 1 Điều 33)

Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;

- Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

Câu 32: Thời hạn đưa người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

(khoản 3, 4 Điều 33)

Thời hạn cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính.

Câu 33: Cơ sở cai nghiện ma túy công lập phải bố trí các khu quản lý

(khoản 2, 3 Điều 35)

- Cơ sở cai nghiện ma túy công lập phải bố trí các khu sau đây:

+ Khu lưu trú tạm thời đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Khu cai nghiện ma túy bắt buộc;

+ Khu cai nghiện ma túy tự nguyện;

+ Khu cai nghiện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

+ Khu cai nghiện cho người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;

+ Khu cai nghiện cho người có hành vi gây rối trật tự, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy.

Trong các khu theo quy định phải bố trí khu riêng cho nam giới và khu riêng cho nữ giới. Người có sự khác nhau giữa thực thể và giới tính ghi trong hồ sơ, lý lịch được quản lý tại phòng riêng trong khu vực theo giới tính biểu hiện trên thực thể học viên.

Câu 34: Áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy cho người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam

(Điều 37)

- Người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về Việt Nam do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy khi về nước phải tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy. Trường hợp được xác định là nghiện ma túy thì người đó phải thực hiện các biện pháp cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng chống ma túy.

- Người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng chống ma túy và phải chi trả toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện. Trường hợp không thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện thì người đó bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Câu 35: Cai nghiện ma túy cho người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng

(Điều 38)

- Nhà nước áp dụng biện pháp cai nghiện thích hợp đối với người nghiện ma túy là người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng.

- Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, trưởng nhà tạm giữ, giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, hiệu trưởng trường giáo dưỡng phối hợp chặt chẽ với cơ sở y tế tại địa phương để thực hiện quy định.

Câu 36: Miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc

(Điều 39)

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 37: Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú trong trường hợp nào? (khoản 1 Điều 40)

- Người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định.

- Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

Câu 38: Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy

(khoản 1 Điều 41)

Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy là biện pháp làm giảm tác hại liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

II. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020

Câu 39: Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

(điểm d khoản 2 điều 6)

Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm.

Câu 40. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

(khoản 2 Điều 95)

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24 tháng.

Câu 41: Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc *(khoản 1 Điều 96)*

Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

Câu 42: Đối tượng không được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc *(khoản 2 Điều 96)*

Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

- + Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- + Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;

+ Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Câu 43: Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

(khoản 56, 57 điều 1 của Luật XLVPHC sửa đổi 2020).

- Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Trường hợp người nghiện ma túy do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 96 của Luật XLVPHC 2012 thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, Công an cấp tỉnh gửi hồ sơ cho Trường phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm; Công an cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ cho Trường phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

III. Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy và Nghị định 109/2021/NĐ-CP ngày 08/12/2021 của Chính phủ Quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ, thủ tục, trình tự xác định tình trạng nghiện ma túy

Câu 45: Dịch vụ cai nghiện ma túy

(khoản 1 điều 3)

Dịch vụ cai nghiện ma túy là hoạt động do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện nhằm hỗ trợ người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Câu 46: Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy

(khoản 2 điều 3)

Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy là thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy với người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi về việc cung cấp, sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.

Câu 46: Không đăng ký cai nghiện tự nguyện hoặc không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

(khoản 3 điều 3)

Là việc người nghiện hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác định, thông báo là nghiện ma túy mà không đăng ký cai nghiện tự nguyện hoặc không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn trên thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Câu 47: Không thực hiện cai nghiện tự nguyện hoặc không thực hiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

(khoản 4 điều 3)

Là việc người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cai nghiện tự nguyện, quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế của cơ quan có thẩm quyền mà không thực hiện cai nghiện, điều trị theo đăng ký. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn trên thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Câu 48: Tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy, chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

(khoản 5 điều 3)

Là việc người đang trong thời gian cai nghiện tự nguyện, thời gian điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế mà không tuân thủ các quy định chuyên môn về cai nghiện ma túy; tự ý rời khỏi cơ sở cai nghiện từ 05 ngày làm việc trở lên, không đến điều trị tại cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế từ 05 ngày làm việc trở lên hoặc không chấp hành 10 liệu trình điều trị liên tục mà không có lý do.

Câu 49: Tái nghiện

(khoản 6 điều 3)

Là trường hợp người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc hoặc kết thúc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế có hành vi sử dụng ma túy trái phép, được cơ quan có thẩm quyền xác định là nghiện ma túy.

Câu 50: Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

Là biện pháp hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy phòng, chống tái nghiện, hòa nhập cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật. *(khoản 9 điều 3)*

Câu 51: Giai đoạn tiếp nhận, phân loại

(Điều 22 của Nghị định 116)

- Thực hiện các thủ tục tiếp nhận người cai nghiện theo nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Thu thập thông tin cá nhân của người nghiện ma túy để tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện, gồm: độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, loại ma túy sử dụng, mức độ sử dụng, trình độ học vấn, nghề nghiệp và các vấn đề khác về bản thân, gia đình người nghiện ma túy.

- Thông tin về phương pháp cai nghiện, chương trình cai nghiện; tư vấn, giải đáp các thắc mắc cho người nghiện ma túy.

- Phân loại đối tượng và tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy.

Câu 52: Giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác

(Điều 23 của Nghị định 116)

- Khám, xây dựng bệnh án đối với người cai nghiện; chú ý các dấu hiệu rối loạn tâm thần, bệnh cơ hội.

- Xác định loại ma túy, liều lượng ma túy người nghiện sử dụng để xây dựng phác đồ điều trị cắt cơn, giải độc theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tư vấn tâm lý đối với người nghiện trước khi điều trị cắt cơn, giải độc.

- Thực hiện phác đồ điều trị theo các quy định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Kết hợp sử dụng thuốc với các biện pháp tâm lý và các biện pháp vật lý trị liệu phục hồi chức năng; kết hợp điều trị cắt cơn, giải độc với điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh cơ hội khác.

Câu 53: Giai đoạn Giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách

(Điều 24 của Nghị định 116)

- Tổ chức dạy văn hóa, học tập các chuyên đề: giáo dục công dân, sức khỏe và cộng đồng, pháp luật, đạo đức, truyền thống dân tộc và chuyên đề phù hợp khác với số lượng, trình độ học vấn người cai nghiện.

- Tổ chức các hoạt động trị liệu tâm lý nhằm điều trị các rối loạn tâm thần, nâng cao kỹ năng sống, giá trị sống, tư duy tích cực, kỹ năng tự quản lý bản thân cho người cai nghiện.

- Kết hợp việc học tập, trị liệu với việc tư vấn, khuyến khích người cai nghiện tham gia các hoạt động lao động sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở để tạo ý thức, thói quen tốt trong sinh hoạt.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao, các chương trình sinh hoạt tập thể, trò chơi vận động cho người cai nghiện.

Câu 54: Giai đoạn Lao động trị liệu, học nghề

(Điều 25 của Nghị định 116)

- Tổ chức các hoạt động lao động trị liệu nhằm giúp người cai nghiện cải thiện về sức khỏe thể chất, tâm trí, tăng cường ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao động, nâng cao tinh thần tự lập và giúp người cai nghiện nhận thức được giá trị của lao động.

- Căn cứ vào số lượng, sức khỏe, độ tuổi, giới tính, trình độ, thời gian, nguyện vọng của người cai nghiện để tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Câu 55: Giai đoạn Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng

(Điều 26 của Nghị định 116)

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện theo các mục tiêu; đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất, tâm thần của người cai nghiện ma túy;

- Xác định nơi cư trú của người cai nghiện để chuẩn bị thực hiện biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy; tư vấn các biện pháp phòng, chống tái nghiện cho người cai nghiện ma túy; kỹ năng từ chối sử dụng ma túy khi tái hòa nhập cộng đồng.

- Cung cấp thông tin về biện pháp quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng và các chính sách hỗ trợ hòa nhập của nhà nước đối với người sau cai nghiện ma túy; giới thiệu, cung cấp thông tin, địa chỉ dịch vụ công tác xã hội, nhóm sinh hoạt đồng đẳng tại địa phương cho người cai nghiện ma túy.

- Phổ biến chính sách, pháp luật, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thị trường lao động, tư vấn, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhằm trang bị kiến thức cần thiết, nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc của người cai nghiện ma túy.

- Hướng dẫn người cai nghiện ma túy xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng. Kế hoạch cần xác định mục tiêu, nguyện vọng của người cai nghiện ma túy, hoàn cảnh thực tế, sự hỗ trợ của các nguồn lực, năng lực bản thân người cai nghiện ma túy, chọn việc làm phù hợp với sức khỏe và kỹ năng lao động của bản thân.

Câu 56: Thủ tục tiếp nhận người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

(khoản 1, 2 Điều 35 của ND 116)

Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên có nhu cầu cai nghiện ma túy được tiếp nhận cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.

- Hồ sơ tiếp nhận cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện gồm:

+ 01 bản đăng ký tự nguyện cai nghiện;

+ 01 bản photô một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người cai nghiện.

Câu 57: Chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

(Điều 39 của Nghị định 116)

- Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau:

- + Thương binh;
- + Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- + Người thuộc hộ nghèo;
- + Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;
- + Trẻ em mồ côi;
- + Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự kiến số lượng người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

- + Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định.
- + Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

Câu 58: Đối tượng quản lý

(Điều 44 của Nghị định 116)

- Người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bị áp dụng biện pháp quản lý bằng một trong hai hình thức gồm Quản lý tại gia đình và Quản lý tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở quản lý).

- Thời hạn quản lý được tính từ thời điểm lập hồ sơ cho đến thời điểm người có thẩm quyền đưa đối tượng đi áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định của Tòa án.

- Thời gian quản lý tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội đối với đối tượng theo quy định được trừ vào thời hạn cai nghiện bắt buộc.

Câu 59: Có mấy hình thức quản lý

(Điều 45 của Nghị định 116)

Có 02 hình thức quản lý:

- Quản lý tại gia đình được áp dụng đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định, gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột từ đủ 18 tuổi trở lên) đồng ý quản lý, đại diện gia đình xác nhận bằng văn bản.

- Quản lý tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở quản lý) được áp dụng đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định hoặc có nơi cư trú ổn định nhưng gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột từ đủ 18 tuổi trở lên) không đồng ý quản lý, đại diện gia đình xác nhận bằng văn bản.

Câu 60. Trình tự, thủ tục tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

(Điều 55 của Nghị định 116)

- Cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bố trí địa điểm, trang thiết bị, nhân sự để thực hiện việc tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Khi tiếp nhận, cơ sở phải kiểm tra, đối chiếu người với hồ sơ tiếp nhận, giấy tờ tùy thân của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; kiểm tra sơ bộ tình trạng sức khỏe và lập biên bản giao, nhận giữa cơ quan Công an cấp huyện và cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Biên bản giao, nhận ghi rõ tình trạng sức khỏe; số lượng tài liệu, hồ sơ; tư trang, đồ dùng cá nhân của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

*** Hồ sơ tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm:**

- Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi của Tòa án nhân dân cấp huyện.

- Bản sao lý lịch tóm tắt của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do cơ quan lập hồ sơ cung cấp.

- Đối với người cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, cơ sở phải bố trí địa điểm, trang thiết bị, nhân sự tiếp nhận phù hợp độ tuổi, giới tính của trẻ em.

Câu 61. Truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn

(Điều 56 của Nghị định 116)

- Người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi được đưa vào cơ sở, thì cơ quan Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ ra quyết định truy tìm đối tượng.

- Người đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan Công

an cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm đối tượng để đưa người đó trở lại cơ sở.

- Trường hợp tìm được người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn nhưng không tự nguyện chấp hành việc trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan Công an cấp huyện áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm tiếp tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 62. Chế độ đối với viên chức, người lao động làm việc tại các Cơ sở cai nghiện bắt buộc

(Điều 76 của Nghị định 116)

- Viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc được hưởng trợ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Nhân sự do cơ quan công an, y tế được điều động, cử đến làm việc, hỗ trợ tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 06 tháng trở lên được hưởng các chế độ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

- Viên chức, người lao động trong cơ sở cai nghiện bắt buộc được trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ hỗ trợ, trang phục thống nhất để thực hiện nhiệm vụ cai nghiện ma túy, quản lý học viên.

Câu 63. Các điều kiện của Cơ sở y tế xác định tình trạng nghiện ma túy

(Điều 3 của Nghị định 109)

- Là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa tâm thần hoặc điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; cơ sở giám định pháp y tâm thần.

- Bác sỹ xác định tình trạng nghiện ma túy phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tâm thần hoặc đa khoa hoặc chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa y học cổ truyền. Trường hợp bác sỹ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hoặc chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa y học cổ truyền thì phải có chứng nhận đã hoàn thành khóa tập huấn về xác định tình trạng nghiện ma túy do cơ sở có chức năng đào tạo cấp.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm để thực hiện được quy trình chuyên môn xác định tình trạng nghiện ma túy, phù hợp với hình thức tổ chức, phạm vi hoạt động chuyên môn của chuyên khoa quy định.

Câu 64. Chức năng của Cơ sở cai nghiện ma túy

- Tổ chức cai nghiện ma túy cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc theo Luật Phòng, chống ma túy.

- Quản lý người nghiện ma túy đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật Phòng, chống ma túy.

- Cung cấp các dịch vụ cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Thực hiện việc xác định tình trạng nghiện ma túy.

Câu 65: Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ sở cai nghiện ma túy

1. Tổ chức cai nghiện ma túy cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật đối với người cai nghiện bắt buộc và quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Tiếp nhận, phân loại đối tượng; tư vấn, xây dựng kế hoạch cai nghiện cho người cai nghiện ma túy;

c) Tổ chức các hoạt động điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác, hỗ trợ phục hồi sức khỏe thể chất, tâm thần và các chức năng khác cho người cai nghiện ma túy;

d) Triển khai các hoạt động giáo dục, tư vấn, trị liệu, phục hồi chức năng về hành vi, nhân cách và các rối loạn khác đối với người cai nghiện ma túy;

đ) Tổ chức các hoạt động lao động trị liệu, dạy nghề hoặc phối hợp các trung tâm hoặc cơ sở đủ điều kiện tổ chức dạy văn hóa, dạy nghề cho người cai nghiện theo quy định của pháp luật, gắn với việc thực hiện các dự án việc làm, giảm nghèo, các chương trình kinh tế - xã hội khác phù hợp với điều kiện, cơ cấu kinh tế đặc thù của địa phương; hướng nghiệp cho người sau cai nghiện tìm việc làm, tạo việc làm, thích nghi với đời sống xã hội khi trở về cộng đồng;

e) Tổ chức lớp học văn hóa cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết nối, tư vấn tuyên truyền, vận động người sau cai nghiện tham gia chương trình quản lý sau cai nghiện phù hợp để được hỗ trợ về sinh kế và các hỗ trợ xã hội khác; hướng dẫn, tư vấn cho gia đình người sau cai nghiện về quản lý, giáo dục người sau cai nghiện tại gia đình và cộng đồng;

h) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện theo các mục tiêu; đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất, tâm thần của người cai nghiện ma túy; trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp người cai nghiện tái hoà nhập cộng đồng.

2. Quản lý người nghiện ma túy đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy:

a) Tiếp nhận, quản lý người nghiện ma túy đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Tổ chức điều trị hội chứng cai, điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh khác;

c) Thực hiện các hoạt động giáo dục, tư vấn cho người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Thực hiện việc xác định tình trạng nghiện theo đề nghị của cơ quan lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy đối với người tự nguyện cai nghiện:

a) Tiếp nhận, phân loại, tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy theo quy trình và các dịch vụ cai nghiện ma túy tại cơ sở;

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ xác định tình trạng nghiện ma túy, cai nghiện ma túy tại cơ sở và tại cộng đồng;

c) Kết nối, tư vấn hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật về cai nghiện ma túy cho đơn vị, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động người sử dụng, người nghiện ma túy tham gia chương trình can thiệp, điều trị, cai nghiện phù hợp.

5. Tư vấn các biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú, biện pháp phòng, chống tái nghiện và các chính sách hỗ trợ hòa nhập cộng đồng; kết nối, tư vấn các dịch vụ hỗ trợ tại cộng đồng đối với người sau cai nghiện ma túy.

6. Tổ chức quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người cai nghiện ma túy nhiễm HIV/AIDS; thông tin, giáo dục, truyền thông và triển khai các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS tại cơ sở.

7. Cử viên chức và người lao động của cơ sở tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ về xác định tình trạng nghiện ma túy, cai nghiện ma túy; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về tư vấn, cai nghiện ma túy cho người làm công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng theo quy định của cấp có thẩm quyền tại địa phương.

8. Phối hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc nghiên cứu, tham gia nghiên cứu, tổ chức thực nghiệm các mô hình, phương pháp điều trị, cai nghiện, phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy và các hoạt động lao động, lao động trị liệu theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức quản lý, bảo vệ môi trường tại cơ sở cai nghiện ma túy và địa bàn trú đóng; lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường với

các chương trình, kế hoạch và hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy; thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh tại cơ sở theo quy định.

10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương tổ chức quản lý, bảo vệ, gìn giữ trật tự, an toàn tại cơ sở và địa bàn trú đóng; phòng, chống thâm lậu ma túy vào cơ sở.

11. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; xây dựng, tổng hợp, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

13. Tổ chức, cung cấp các dịch vụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày cho người cai nghiện ma túy và hoạt động thăm gặp người thân của người cai nghiện ma túy.

14. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

-----HẾT-----